

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ THUẬN AN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 138/2019/HS-ST
Ngày 11 - 6 - 2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ THUẬN AN TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Sỹ Trứ.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Ngọc Hồng.

Ông Thái Văn Trung.

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Công Tú – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Mai Chiến Thắng - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 6 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 131/2019/TLST-HS ngày 24 tháng 5 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 129/2019/QĐXXST-HS ngày 30 tháng 5 năm 2019 đối với bị cáo:

Nguyễn Công T, sinh năm 1971, tại tỉnh Đồng Nai; nơi cư trú: Ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Nai; nghề nghiệp: Buôn bán; trình độ văn hóa: 11/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Thiên chúa; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Công P và bà Phan Thị H; bị cáo có chồng tên Ứng Sau H và 03 người con; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt, tạm giữ, tạm giam từ ngày 30/11/2018. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Bị hại:

- Bà Đặng Thị P, sinh năm: 1978, nơi cư trú: Ấp T, thị trấn O, huyện T, tỉnh An Giang. Có mặt

- Bà Đặng Thị L, sinh năm: 1982, nơi cư trú: Ấp V, xã V, huyện T, tỉnh An Giang. Có mặt

- Bà Bùi Thị L, sinh năm: 1982, nơi cư trú: Khối Y, phường H, thành phố V, tỉnh Nghệ An. (có đơn xin xét xử vắng mặt)

- Bà Trần Thị B, sinh năm: 1965, nơi cư trú: Ấp V, xã C, huyện C, tỉnh An Giang. Có mặt

- Bà Lê Thị Hồng N, sinh năm: 1985, nơi cư trú: Thôn T, xã P, huyện T, tỉnh Bình Thuận. Có mặt

- Bà Lưu Thị T, sinh năm: 1994, nơi cư trú: Ấp V, xã C, thị xã T, tỉnh An Giang.
Có mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Công T làm nghề buôn bán đồ thờ cúng tại ky ốt số 6, chợ Lâm Phát, khu phố Hòa Tân 2, phường Thuận Giao, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương. Do cần tiền trả nợ nên từ khoảng tháng 8/2018, T nảy sinh ý định lừa đảo tài sản của những người T quen biết. Để thực hiện ý định trên, T đưa ra thông tin giả là có khả năng vay tiền tại Ngân hàng Á Châu và chỉ cần thế chấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh nếu ai có nhu cầu thì gấp đưa tiền, chứng minh nhân dân, sổ hộ khẩu cho T để T đi làm hộ giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và tiền chi phí làm thủ tục vay vốn ngân hàng Á Châu (thực chất T không có khả năng để làm hồ sơ vay vốn). Bằng thủ đoạn trên, từ tháng 9/2018 đến tháng 11/2018 T đã lừa đảo chiếm đoạt của bà Lê Thị Hồng N số tiền 20.000.000 đồng, bà Đặng Thị L số tiền 20.000.000 đồng, bà Bùi Thị L số tiền 3.000.000 đồng, bà Lưu Thị T số tiền 3.650.000 đồng, bà Trần Thị B số tiền 3.000.000 đồng, bà Đặng Thị P số tiền 9.000.000 đồng. Tổng cộng là 58.650.000 đồng.

Sau khi nhận tiền của các bị hại N, L, T, La, B, P thì T không đi làm thủ tục xin cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và vay vốn ngân hàng Á Châu mà dùng số tiền này vào việc trả nợ.

Đến ngày 25/11/2018, các bị hại đến tìm T để hỏi hồ sơ vay vốn thì được biết T đã dọn tiệm đi đâu không rõ. Ngày 30/11/2018, bà Lê Thị Hồng N phát hiện T đang đi trên đường thuộc địa bàn phường Phú Cường, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương nên đã trình báo đến Công an phường Thuận Giao và mời T về làm việc. Tại cơ quan Công an, T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Cáo trạng số 152/CT-VKS-TA ngày 24/5/2019 của Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương đã truy tố bị cáo Nguyễn Công T về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 174 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên giữ quyền công tố vẫn giữ nguyên quyết định như bản cáo trạng đã truy tố và xác định: Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo phạm tội hai lần trở lên là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự; về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Sau khi phạm tội bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; các bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng cho bị cáo được hưởng các tình giảm nhẹ theo quy định tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Kiểm sát viên đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Công T mức án từ 02 năm 06 tháng đến 03 năm tù

Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo phải bồi thường số tiền đã chiếm đoạt của các bị hại.

Về xử lý vật chứng: Không yêu cầu xử lý

Tại phiên tòa, bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội giống nội dung Viện kiểm sát truy tố, bị cáo đã ăn năn hối cải, bị cáo đồng ý bồi thường số tiền đã chiếm

đoạt của các bị hại và xin Hội đồng xét xử áp dụng mức hình phạt thấp nhất cho bị cáo để bị cáo có cơ hội làm lại cuộc đời.

Các bị hại trình bày nội dung sự việc như bản cáo trạng và yêu cầu bị cáo đã bồi thường số tiền mà bị cáo T đã chiếm đoạt, các bị hại L, B, T, P đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo, bị hại N đề nghị xét xử theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Điều tra Công an thị xã Thuận An, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thị xã Thuận An, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp, đúng quy định.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Công T đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội, lời khai của bị cáo phù hợp với các tình tiết như bản cáo trạng đã truy tố, phù hợp với lời khai của bị hại và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án về thời gian địa điểm, quá trình thực hiện hành vi phạm tội và tài sản đã chiếm đoạt. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở nhận định: Để thực hiện ý định chiếm đoạt tài sản, bị cáo đưa thông tin gian dối giả là có khả năng vay tiền tại Ngân hàng Á Châu và chỉ cần thế chấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nhưng thực chất Tâm không có khả năng để làm hồ sơ vay tiền. Từ tháng 9/2018 đến tháng 11/2018, bằng thủ đoạn như trên T đã chiếm đoạt của bà Lê Thị Hồng N số tiền 20.000.000 đồng, bà Đặng Thị L số tiền 20.000.000 đồng, bà Bùi Thị L số tiền 3.000.000 đồng, bà Lưu Thị T số tiền 3.650.000 đồng, bà Trần Thị B số tiền 3.000.000 đồng, bà Đặng Thị P số tiền 9.000.000 đồng. Tổng cộng là 58.650.000 đồng. Hành vi của bị cáo đã thực hiện đủ yếu tố cấu thành tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản, tội phạm và hình phạt theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 174 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Do đó, Cáo trạng của Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Thuận An truy tố bị cáo về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 174 Bộ luật Hình sự là có căn cứ và đúng pháp luật, mức đề nghị hình phạt đối với bị cáo là phù hợp với hành vi bị cáo đã thực hiện.

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, làm mất lòng tin và nghi kỵ lẫn nhau trong cộng đồng dân cư, gây mất trật tự trị an và tại địa phương. Bị cáo nhận thức rõ hành vi dùng thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật hình sự và sẽ bị xử lý nhưng vì động cơ tham lam, tư lợi và muốn có tiền tiêu xài, ý thức xem thường pháp luật nên đã cố ý phạm tội nên cần áp dụng mức hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ, hậu quả phạm tội đã thực hiện có xem xét đến tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo.

[3] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo phạm tội hai lần trở lên là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Sau khi phạm tội bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; các bị hại L, B, T, P xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo

nên bị cáo được hưởng tình giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại các điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa bị cáo và các bị hại thống nhất thỏa thuận bị cáo bồi thường tài sản chiếm đoạt như sau: Bồi thường cho bà Lê Thị Hồng N số tiền 20.000.000 đồng, bồi thường cho bà Đặng Thị L số tiền 20.000.000 đồng, bồi thường cho bà Bùi Thị L số tiền 3.000.000 đồng, bồi thường cho bà Lưu Thị T số tiền 3.650.000 đồng, bồi thường cho bà Trần Thị B số tiền 3.000.000 đồng, bồi thường cho bà Đặng Thị P số tiền 9.000.000 đồng, việc thỏa thuận của bị cáo và các bị hại là tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[8] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Điểm c khoản 2 Điều 174; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017;
- Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự;
- Điều 589 Bộ luật Dân sự;
- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về trách nhiệm hình sự: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Công T phạm tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Công T 02 (hai) năm 09 (chín) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 30/11/2018.

2. Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Nguyễn Công T phải bồi thường cho bà Lê Thị Hồng N số tiền 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng), bồi thường cho bà Đặng Thị L số tiền 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng), bồi thường cho bà Bùi Thị L số tiền 3.000.000 đồng (ba triệu đồng), bồi thường cho bà Lưu Thị T số tiền 3.650.000 đồng (ba triệu sáu trăm năm mươi ngàn đồng), bồi thường cho bà Trần Thị B số tiền 3.000.000 đồng (ba triệu đồng), bồi thường cho bà Đặng Thị P số tiền 9.000.000 đồng (chín triệu đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án nếu người phải thi hành án không thanh toán số tiền trên cho người được thi hành án thì hàng tháng người phải thi hành án thì còn phải trả cho người được thi hành án số tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời hạn và số tiền chậm trả.

3. Về án phí: Bị cáo Nguyễn Công T phải chịu 200.000 đồng (hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 2.932.500 đồng (hai triệu chín trăm ba hai ngàn năm trăm đồng).

Bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, người vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được giao hoặc niêm yết.

4. Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thị xã Thuận An;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- Chi cục THA thị xã Thuận An;

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Sỹ Trứ